

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2017/HSST**
Ngày 15-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Tiên

2. Ông Phạm Quang Đôn

***Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên toà:
Bà Vì Thị Hiền - Kiểm sát viên.***

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2017/HSST ngày 24 tháng 10 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11 ngày 03 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đ VĂN L**

Bí danh và tên thường gọi khác: Không;

Sinh ngày 10/7/1992 tại Cao Bằng;

Nguyên quán: C Ng, H L, C B;

Nơi đăng ký HKTT: Đội 1, xã Th L, huyện Đ B, tỉnh Đ B;

Chỗ ở: T 14, phường N Th, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ B.

Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; T giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Thợ mộc; Tiền án; Tiền sự: Không;

Con ông: Đ Văn Y, sinh năm 1966 và con bà: Tr Thị L, sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ, con;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/8/2017 đến nay bị cáo có mặt tại phiên toà.

**** Người bị hại:***

1. Ông L H T, sinh năm 1988; Trú tại: Tổ 14, phường N Th, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ B (Vắng mặt có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo Đ Văn L

Khoảng 00 giờ 10 phút, ngày 08/8/2017, Đ Văn L đi chơi điện tử về đến xưởng mộc của anh Ph Văn H ở số nhà 33, tổ 14, phường N Th, thành phố Đ B Ph thì rẽ vào. Thấy vợ chồng anh Hùng đã ngủ, L đi cầu thang lên gác xép. Khi lên được nửa cầu thang, L quan sát thấy anh L H T và anh D Công S đang ngủ trên gác xép, dưới gối chỗ anh T nằm lộ ra góc chiếc điện thoại Oppo Neo 7, màu trắng của anh T đang cắm sạc liền nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L lén lút lại gần rút điện thoại khỏi dây sạc rồi cầm ra ngoài, tắt nguồn điện thoại và giấu đi. L đã tháo sim số 0988156362 lắp trong điện thoại vứt đi, không nhớ vị trí vứt nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Sau đó L sang xưởng mộc của anh Ng A T (cùng địa chỉ với xưởng mộc của anh Hùng) nơi L đang làm thuê ngủ đến khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày thì thấy anh T sang hỏi tìm điện thoại nhưng L nói không biết. Đến khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 09/8/2017, L mang điện thoại đi tìm nơi tiêu thụ, khi đi đến cổng Sở giáo dục tỉnh Điện Biên tổ 23, phường N Th, thành phố Đ B Ph thì bị Công an phường N Th phát hiện, thu giữ điện thoại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo Đ Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 10/8/2017 và 06/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Điện Biên Phủ xác định: Một chiếc điện thoại Oppo Neo 7 trị giá 2.160.000 đồng; sim điện thoại trị giá 25.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 29/9/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản sau: Một chiếc điện thoại Oppo Neo 7. Số IMEL1: 863008032936139. IMEL2: 863008032936121 cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu bị can bồi thường số tiền bỏ ra ép lại sim điện thoại và không đề nghị truy thu số tiền 25.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Bản cáo trạng số: 64/QĐ-VKS-HS ngày 23/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Đ Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Cụ thể:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; xử phạt bị cáo Đ Văn L với mức hình phạt từ **06** tháng đến **09** tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo là người nghiện ma túy, có nghề nghiệp nhưng thu nhập không ổn định nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung.

* Về án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Đ Văn L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố Điện Biên Phủ; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

2. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 00 giờ 10 phút, ngày 08/8/2017, tại số nhà 33, tổ 14, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Đ Văn L đã có hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt tài sản của anh L H T là một chiếc điện thoại Oppo Neo 7 và 01 chiếc sim điện thoại mạng Viettel thuê bao 0988156362, ngày 10/8 và 06/10/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp là 2.185.000 đồng nên đây là tình tiết định tội được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Hành vi trên của bị cáo Đ Văn L được chứng minh tại: Đơn trình báo của người bị hại; Vật chứng thu giữ; Kết luận định giá; Lời khai của bị cáo, người bị hại trong quá trình điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Đ Văn L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố bị cáo Đ Văn L về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

3. Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện hành vi trên với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích là chiếm đoạt tài sản và đã hoàn thành cả về hành vi và hậu quả của tội Trộm cắp tài sản. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Để bị cáo có điều kiện cải tạo và làm lại cuộc đời, sống có ích cho gia đình và xã hội thì cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đồng thời đó cũng là bài học cho những kẻ đã và đang có hành vi tương tự.

Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, bản thân bị cáo nghiện ma túy và muốn có tiền chi tiêu cá nhân nhưng lại lười lao động.

4. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có nghề làm thợ mộc nhưng không ổn định, đi chấp hành án, bản thân bị cáo nghiện ma túy, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

5. Về vật chứng vụ án: Ngày 29/9/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản sau: Một chiếc điện thoại Oppo Neo 7 có Số IMEL1: 863008032936139. IMEL2: 863008032936121 cho người bị hại, xét việc trả có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

6. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông T có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến về phần trách nhiệm dân sự ông T đã nhận lại số tài sản bị cáo đã trộm cắp, không đề nghị bị cáo bồi thường 25.000 đồng số tiền ép lại sim điện thoại và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất kể khoản gì. Ông T không đề nghị truy thu số tiền 25.000 đồng sung ngân sách nhà nước về trách nhiệm hình sự ông T đề nghị xét xử bị cáo theo quy định pháp luật. Xét đề nghị của ông T là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

7. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Đ Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Đ Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ Văn L **06** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 11/8/2017. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS;

- Chấp nhận việc người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và truy thu 25.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

- Chấp nhận biên bản trao trả tài sản ngày 29/9/2017 cho bị hại.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, 234 bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/11/2017). Người bị hại không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- Đội HSNVCS CATP ĐBBP;
- Trại giam Công an TPĐBP;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Tòa án ND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

